

Số: 01 /LAS-XD 16.001

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 07 năm 2026

*V/v Công bố thông tin về năng lực
đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm
chuyên ngành xây dựng*

**BẢNG TỰ CÔNG BỐ CÔNG KHAI THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN
HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Kính gửi:

- Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk
- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

Công ty Cổ phần Xây dựng và Quảng cáo Bazan công bố thông tin về năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với một số nội dung sau:

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Công ty Cổ phần Xây dựng và Quảng cáo Bazan
2. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6001684988 ngày, tháng, năm cấp 27/02/2020 cơ quan cấp Phòng đăng ký kinh doanh – Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk.
3. Địa chỉ: Số 172-174-176 đường Nơ Trang Gùh, phường Thành Nhất, tỉnh Đắk Lắk
4. Điện thoại: 0905353347
5. Email: lasxd@bazanad.vn
6. Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm, kiểm định và tư vấn xây dựng.
7. Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 172-174-176 đường Nơ Trang Gùh, phường Thành Nhất, tỉnh Đắk Lắk
8. Website công bố thông tin năng lực của tổ chức: <https://bazanad.vn/>

**II. THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC CỦA TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Bảng số 01

Stt	Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật tương ứng để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Máy móc, thiết bị để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm	Thí nghiệm viên để thực hiện chỉ tiêu thí nghiệm
Thử nghiệm xi măng				
1.	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 4030:2003	Tủ sấy, bộ sàng, bình Le Chatelier, cân kỹ thuật, nhiệt kế	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
2.	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011	Máy trộn, khuôn, thiết bị dẫn, máy nén, thước đo	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân

3.	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015	Tủ sấy, cân kỹ thuật, ống đong có vạch chia, máy trộn, đồng hồ bấm giây, dụng cụ Vicat	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
4.	Xác định hàm lượng mất khi nung	TCVN 141:2008	Cân, tủ sấy, lò nung, thiết bị quang phổ hấp thụ nguyên tử, máy so màu quang điện, máy đo pH, máy cất nước, bình khí nén, tủ hút, chén bạch kim, bếp điện, bình hút ẩm, bình định mức	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
Thử nghiệm cốt liệu cho bê tông và vữa				
5.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2:2006	Tủ sấy, cân kỹ thuật, bộ sàng	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
6.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước	TCVN 7572-4:2006	Tủ sấy, cân kỹ thuật, bộ sàng, bình dung tích, thùng ngâm mẫu, côn thử độ sụt của cốt liệu, phễu chứa, khay chứa, que chọc kim loại, bình hút ẩm	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
7.	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572-5:2006	Cân kỹ thuật, cân thủy tĩnh, thùng ngâm mẫu, bàn chải sắt, tủ sấy	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
8.	Xác định khối lượng thể tích, độ xốp và độ hồng	TCVN 7572-6:2006	Thùng đong, cân kỹ thuật, bộ sàng, tủ sấy, thước lá kim loại	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
9.	Xác định độ ẩm, độ hút nước	TCVN 7572-7:2006	Tủ sấy, cân kỹ thuật, dụng cụ đào mẫu	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
10.	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006	Tủ sấy, cân kỹ thuật, thùng rửa cốt liệu, đồng hồ bấm giây, tấm kính	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
11.	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572-9:2006	Cân kỹ thuật, bếp cách thủy, ống dung tích, thang màu, thuốc thử	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
12.	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10:2006	Máy nén, máy cưa đá, máy mài nước, thước kẹp, thùng ngâm mẫu	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
13.	Xác định độ nén đập trong và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11:2006	Máy nén, bộ sàng, cân kỹ thuật, xi lanh	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
14.	Xác định độ hao mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy Los Angeles	TCVN 7572-12:2006	Máy Los Angeles, cân kỹ thuật, bi thép, bộ sàng, tủ sấy	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
15.	Xác định hàm lượng thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13:2006	Tủ sấy, bộ sàng, cân kỹ thuật, thước kẹp	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
Thử nghiệm hỗn hợp bê tông và bê tông nặng				
16.	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông	TCVN 3106:2022	Côn thử độ sụt, tấm nền, phễu đổ hỗn hợp, thanh đầm, bay, đồng hồ, thước đo	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân

17.	Xác định độ tách nước và tách vữa	TCVN 3109:2022	Khuôn thép, bàn rung, thanh dầm, cân kỹ thuật, sàng, thước đo, tủ sấy, khay, thùng kim loại, ống đồng, pipet, bay	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
18.	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112:2022	Bình pycnometer, cân, tủ sấy, máy nghiền thô, máy nghiền mịn, bếp đun cách thủy, sàng, bình hút ẩm, Axít H ₂ SO ₄ đậm đặc, nước cất	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
19.	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thùng ngâm, bàn chải, đá mài, bình hút ẩm	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
20.	Xác định khối lượng thể tích bê tông	TCVN 3115:2022	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thước đo, bình hút ẩm, túi cách hơi	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
21.	Xác định cường độ chịu nén	TCVN 3118:2022	Máy nén, thước đo	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
22.	Xác định cường độ chịu kéo khi uốn	TCVN 3119:2022	Máy nén, thước đo	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
Thử nghiệm vữa xây dựng				
23.	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1:2022	Tủ sấy, bộ sàng, cân kỹ thuật	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
24.	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3:2022	Thước kẹp, bay, chảo trộn mẫu, bàn dằn, khâu hình côn, chày dầm	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
25.	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6:2022	Cân kỹ thuật, bình đong	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
26.	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa tươi	TCVN 3121-9:2022	Khâu dựng vữa, kim đâm xuyên, vòng đệm, cơ cấu đòn bẩy, cân kỹ thuật, đồng hồ bấm giây, tủ dưỡng mẫu, bay, chảo	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
27.	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10:2022	Cân kỹ thuật, tủ sấy, thước kẹp, cân thủy tĩnh, parafin	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
28.	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11:2022	Khuôn, chày dầm mẫu, tủ dưỡng hộ mẫu, mảnh vải, giấy lọc định tính, tấm kính, máy nén	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
Thử nghiệm gạch				
29.	Gạch không nung: Kiểm tra kích thước hình học, màu sắc và khuyết tật ngoại quan; Cường độ nén, độ hút nước, độ thấm nước bề mặt, độ rỗng	TCVN 6477:2016	Thước lá thép, thước kẹp, tủ sấy, cân, thùng ngâm mẫu, bàn chải, máy nén	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
30.	Gạch Terazo: Kiểm tra kích thước, khuyết tật	TCVN 7744:2013	Thước lá, thước nivô, tủ sấy, cân, thùng ngâm mẫu, bàn	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân

	ngoại quan; cường độ uốn; độ hút nước; độ mài mòn		chải, máy mài, máy nén	Xuân
31.	Gạch bê tông tự chèn: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; độ hút nước; độ mài mòn	TCVN 6476:1999	Thước lá, tấm kính, thùng ngâm mẫu, máy nén, máy mài	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
32.	Gạch xây đất sét nung: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén; cường độ uốn; độ hút nước; khối lượng thể tích; khối lượng riêng, xác định độ rỗng; xác định vết tróc do vôi; sự thoát muối	TCVN 6355:2009	Máy nén, máy cưa, thước đo, tấm kính, bay, chảo	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
33.	Gạch xi măng lát nền: Kiểm tra kích thước, khuyết tật ngoại quan; Độ hút nước; Xác định lực va đập xung kích; Tải trọng uốn gãy toàn viên; Độ cứng lớp bề mặt;	TCVN 6065:1995	Thước kẹp, cân kỹ thuật, tủ sấy, vật liệu mài, máy mài, viên bi sắt, thước ống dài, máy nén	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
34.	Thử cơ lý gạch granito: Kiểm tra kích thước; Khuyết tật ngoại quan; Độ mài mòn; Độ cứng lớp mặt	TCVN 6074:1995	Thước kẹp, máy mài, viên bi sắt, thước ống dài	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
Kiểm tra kim loại và mối hàn				
35.	Thử kéo	TCVN 197-1:2014 (ISO 6892:2009)	Thước dây, thước kẹp, cân kỹ thuật, máy kéo nén	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
36.	Thử uốn	TCVN 198:2008 (ISO 7438:2005)	Thước dây, thước kẹp, cân kỹ thuật, máy kéo nén	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
37.	Kiểm tra chất lượng mối hàn -Thử uốn	TCVN 5401:2010	Thước dây, thước kẹp, cân kỹ thuật, máy kéo nén	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
38.	Thử kéo mối hàn kim loại	TCVN 5403:1991	Thước dây, thước kẹp, cân kỹ thuật, máy kéo nén	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
Thử nghiệm đất				
39.	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195:2012	Dầu hỏa, cân kỹ thuật, bình tỷ trọng, cối sứ và chày sứ, bếp cát, tủ sấy, bơm chân không, tỷ trọng kế	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
40.	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012	Tủ sấy, cân kỹ thuật, bình hút ẩm, hộp nhôm, ray, cốc sứ, khay	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
41.	Xác định giới hạn dẻo, giới hạn chảy	TCVN 4197:2012	Tủ sấy, cân kỹ thuật, bình thủy tinh, cối sứ, hộp nhôm, ray, cốc sứ, dao	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân

42.	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 4198:2014	Tủ sấy, cân kỹ thuật, bộ sàng, nhiệt kế, bình hút ẩm, thiết bị nghiền đất, khay	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
43.	Xác định độ chặt đầm nén tiêu chuẩn	TCVN 4201:2012 22TCN 333:2006	Cối đầm, tủ sấy, cân kỹ thuật, bộ sàng, bình phun nước, bình hút ẩm, hộp nhôm, dao, khay, cối sứ	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
44.	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202:2012	Dao vòng, thước kẹp, cân kỹ thuật, tủ sấy, dao, tấm kính, hộp nhôm, bình hút ẩm	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
45.	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)	22TCN 332:2006 TCVN 8821:2011	Máy nén CBR, đồng hồ đo biến dạng, khuôn CBR, tấm đệm, chày đầm, dụng cụ đo độ trương nở, thùng ngâm mẫu, tủ sấy, cân kỹ thuật, hộp nhôm, giấy lọc	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
46.	Xác định hệ số thấm K của đất	TCVN 8723:2012 AASHTO-T49 ASTM D2434-00	Dao vòng, thiết bị thấm, thước kẹp, cân kỹ thuật, tủ sấy, dao, tấm kính, hộp nhôm, bình hút ẩm	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
Thử nghiệm nhựa bitum				
47.	Xác định độ kim lún	TCVN 7495:2005	Thiết bị xuyên kim, kim xuyên, cốc đựng mẫu, bình ổn nhiệt, bình chuyển tiếp, đồng hồ đo thời gian, nhiệt kế	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
48.	Xác định độ kéo dài	TCVN 7496:2005	Khuôn, bình ổn nhiệt, máy kéo mẫu, nhiệt kế	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
49.	Xác định nhiệt độ hóa mềm (Phương pháp vòng và bi)	TCVN 7497:2005	Vòng, tấm lót, bi, vòng hướng dẫn, bình thủy tinh, khung treo, nhiệt kế, nước cất, hóa chất, chất bôi trơn	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
50.	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 7498:2005 TCVN 8818-2:2011	Thiết bị cốc hồ, dụng cụ đo nhiệt, khí gas, dung môi làm sạch	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
51.	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163°C trong 5h	TCVN 7499:2005	Tủ sấy, nhiệt kế, cốc thủy tinh	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
52.	Xác định lượng hòa tan của nhựa trong tricloretylen	TCVN 7500:2005	Bộ thiết bị lọc, bình Erlenmeyer, tủ sấy, hóa chất	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
53.	Xác định khối lượng riêng	TCVN 7501:2005	Tỷ trọng kế, bình ổn nhiệt, nhiệt kế, nước cất	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
54.	Xác định độ nhớt động học, nhớt tuyệt đối	TCVN 7502:2005	Nhớt kế, nhiệt kế, bể, đồng hồ đo thời gian	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
55.	Xác định hàm lượng paraffin bằng phương pháp chưng cất	TCVN 7503:2005	Tủ sấy, nhiệt kế, vòng kim loại, ống nghiệm, bình Erlenmeyer, bình lọc, chai rửa thủy tinh, bể làm lạnh, phễu, cân, bình hút ẩm, nồi sứ, đèn dùng trong phòng thí nghiệm,	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân

			giấy lọc, kẹp	
56.	Xác định độ dính bám với đá	TCVN 7504:2005	Bình thủy tinh, dây buộc, nước cất, bếp đun, nhiệt kế	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
Thử nghiệm bê tông nhựa				
57.	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1:2011	Máy nén Marshall, bộ khuôn đúc mẫu, búa đầm bằng kim loại, bộ giá giữ khuôn, dụng cụ tháo mẫu, tủ sấy, thiết bị trộn BTN, thiết bị gia nhiệt, bể ổn nhiệt, khay, bay, thanh gạt, nhiệt kế, cân, thước kẹp	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
58.	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy ly tâm	TCVN 8860-2:2011	Máy quay li tâm, giấy lọc, tủ sấy, bếp điện, lò nung, khay đựng mẫu, cân, ống đông, cốc nung, bình hút ẩm	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
59.	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3:2011	Bộ sàng, tủ sấy, cân kỹ thuật	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
60.	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4:2011	Bình đựng mẫu, cân, máy hút chân không, bình lọc hơi nước, áp kế, chân không kế, nhiệt kế, tủ sấy, khay	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
61.	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái đầm nén	TCVN 8860-5:2011	Cân kỹ thuật, bể nước, tủ sấy, nhiệt kế, dây treo	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
62.	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6:2011	Tủ sấy, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, cân kỹ thuật, bay, chảo	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
63.	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7:2011	Ống đông, phễu, giá đỡ, tấm kính, khay, dao gạt	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
64.	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011	Áp dụng công thức để tính toán	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
65.	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011	Áp dụng công thức để tính toán	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
66.	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011	Áp dụng công thức để tính toán	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
67.	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011	Áp dụng công thức để tính toán	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
68.	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	Áp dụng công thức để tính toán	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
69.	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng - Thiết kế theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011	Áp dụng công thức để tính toán	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
Thử nghiệm vật liệu bột khoáng trong bê tông nhựa				

70.	Xác định: thành phần hạt; hàm lượng mất khi nung; hàm lượng nước; khối lượng riêng; khối lượng thể tích và độ rỗng của bột khoáng; hệ số hao nước; hàm lượng chất hòa tan trong nước	22TCN 58:1984	Bộ sàng, cân kỹ thuật, tủ sấy, bát sứ, chày giã đầu bọc cao su, bình đựng nước, bình hút ẩm	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
71.	Xác định: Độ trương nở thể tích của hỗn hợp bột khoáng và nhựa đường; Hàm lượng nhựa của bột khoáng	22TCN 58:1984	Bộ sàng, cân kỹ thuật, tủ sấy, bát sứ, chày giã đầu bọc cao su, bình đựng nước, bình hút ẩm	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
Thử nghiệm hiện trường				
72.	Đo dung trọng, độ ẩm của đất, cát bằng phương pháp dao dai	TCVN 12791:2020	Dao dai, thanh gạt, cân kỹ thuật, thiết bị sấy, khay, hộp đựng mẫu, búa, xẻng	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
73.	Khối lượng thể tích của đất, lớp kết cấu đá dăm bằng phương pháp rót cát	22TCN 346:2006 TCVN 8860-7:2011 AASHTO T191	Ống đong, phễu, giá đỡ, tấm kính, khay, dao gạt bằng thép	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
74.	Xác định modul đàn hồi "E" nền đường bằng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011	Hệ thống chất tải, kích thủy lực, tấm ép cứng, đồng hồ đo biến dạng, giá đỡ đồng hồ đo biến dạng, cát khô, thước ni vô	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
75.	Xác định môđun đàn hồi "E" chung của áo đường bằng Cần đo vồng Benkelman	TCVN 8867:2011	Cần đo vồng Benkelman, xe đo vồng, vật chất tải trên xe	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
76.	Độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011	Thước phẳng, con nêm, chổi, dụng cụ hướng dẫn giao thông	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
77.	Đo điện trở nổi đất	TCVN 9385:2012	Máy đo điện trở	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
78.	Bê tông nặng - Phương pháp thử không phá hủy - Xác định cường độ nén sử dụng kết hợp máy đo siêu âm và súng bật nảy	TCVN 9335:2012	Thiết bị xác định vận tốc siêu âm, súng bật nảy	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân
79.	Bê tông nặng - Phương pháp thử không phá hủy - Đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm	TCVN 9357:2012	Thiết bị đo vận tốc xung siêu âm	Nguyễn Thị Dạ Thảo Nguyễn Thị Thanh Xuân



Stt	Tên máy móc, thiết bị thí nghiệm	Hãng sản xuất	Tình trạng hiệu chuẩn kiểm định
1.	Bộ dụng cụ kim Vicat	Trung Quốc	KV3-27007/02/07/2026 – Công ty CP Kiểm định Hiệu chuẩn khu vực 3
2.	Máy thử độ mài mòn Los Angeles	Trung Quốc	KV3-27008/02/07/2026 – Công ty CP Kiểm định Hiệu chuẩn khu vực 3
3.	Máy xác định độ bền mài mòn sâu đối với gạch	Trung Quốc	KV3-27010/02/07/2026 – Công ty CP Kiểm định Hiệu chuẩn khu vực 3
4.	Máy kiểm tra đa năng (Uốn/kéo/nén)	Trung Quốc	KV3-27011/02/07/2026 – Công ty CP Kiểm định Hiệu chuẩn khu vực 3
5.	Kích thủy lực	Trung Quốc	KV3-27012/02/07/2026 – Công ty CP Kiểm định Hiệu chuẩn khu vực 3
6.	Đồng hồ so	Trung Quốc	KV3-27017/02/07/2026 – Công ty CP Kiểm định Hiệu chuẩn khu vực 3
7.	Bộ kim lún nhựa tự động	Trung Quốc	KV3-27018/02/07/2026 – Công ty CP Kiểm định Hiệu chuẩn khu vực 3
8.	Máy thử độ bền nén cbr/marshall điện tử	Trung Quốc	KV3-27019/02/07/2026 – Công ty CP Kiểm định Hiệu chuẩn khu vực 3
9.	Máy chiết nhựa ly tâm	Việt Nam	KV3-27022/02/07/2026 – Công ty CP Kiểm định Hiệu chuẩn khu vực 3
10.	Máy siêu âm bê tông	Trung Quốc	KV3-27014/02/07/2026 – Công ty CP Kiểm định Hiệu chuẩn khu vực 3
11.	Súng thử cường độ bê tông theo pp bật nảy	Trung Quốc	KV3-27013/02/07/2026 – Công ty CP Kiểm định Hiệu chuẩn khu vực 3
12.	Bộ cần Benkenman	Việt Nam	KV3-27004/02/07/2026 – Công ty CP Kiểm định Hiệu chuẩn khu vực 3
13.	Thiết bị hoá mềm nhựa tự động	Trung Quốc	KV3-27016/02/07/2026 – Công ty CP Kiểm định Hiệu chuẩn khu vực 3
14.	Thiết bị thí nghiệm bốc cháy nhựa	Trung Quốc	KV3-27005/02/07/2026 – Công ty CP Kiểm định Hiệu chuẩn khu vực 3
15.	Tủ sấy 136 lít	Trung Quốc	KV3-27015/02/07/2026 – Công ty CP Kiểm định Hiệu chuẩn khu vực 3
16.	Cân điện tử	Trung Quốc	KV3-27020/02/07/2026 – Công ty CP Kiểm định Hiệu chuẩn khu vực 3
17.	Lò nung 1000°C	Trung Quốc	KV3-27021/02/07/2026 – Công ty CP Kiểm định Hiệu chuẩn khu vực 3
18.	Máy trộn vữa xi măng	Trung Quốc	KV3-27009/02/07/2026 – Công ty CP Kiểm định Hiệu chuẩn khu vực 3
19.	Máy đo điện trở tiếp đất	Kyoritsu	SCM-2161/25/05/2026 – Công ty CP KĐ HC đo lường Sài Gòn

20.	Thiết bị xác định độ mịn xi măng	Việt Nam	Không hiệu chuẩn
21.	Thiết bị xác định giới hạn chảy casagrande	Trung Quốc	Không hiệu chuẩn
22.	Bộ thí nghiệm giới hạn dẻo của đất	Trung Quốc	Không hiệu chuẩn
23.	Thiết bị xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời	Trung Quốc	Không hiệu chuẩn
24.	Bộ thí nghiệm thể tích xốp đá	Việt Nam	Không hiệu chuẩn
25.	Bộ thí nghiệm thể tích xốp cát	Việt Nam	Không hiệu chuẩn
26.	Bộ thí nghiệm xác định bùn, bụi, sét đá lớn	Việt Nam	Không hiệu chuẩn
27.	Bộ thí nghiệm xác định bùn, bụi, sét đá nhỏ	Việt Nam	Không hiệu chuẩn
28.	Côn thử độ sụt bê tông	Việt Nam	Không hiệu chuẩn
29.	Thiết bị thử thấm gạch	Việt Nam	Không hiệu chuẩn
30.	Bộ gỏi uốn thép đường kính gỏi: 192; 168; 150; 132; 120; 108; 80; 70; 63; 60; 50; 48; 42; 32; 30 búa uốn to – búa uốn nhỏ	Trung Quốc	Không hiệu chuẩn
31.	Hộp thấm đất nam kinh	Trung Quốc	Không hiệu chuẩn
32.	Thiết bị thí nghiệm hệ số thấm của đất	Trung Quốc	Không hiệu chuẩn
33.	Bộ dao vòng lấy mẫu hiện trường	Việt Nam	Không hiệu chuẩn
34.	Phễu rót cát hiện trường	Việt Nam	Không hiệu chuẩn
35.	Thiết bị tổn thất khi nung	Trung Quốc	Không hiệu chuẩn
36.	Thiết bị xác định độ hòa tan trong Tricloetylen của nhựa	Trung Quốc	Không hiệu chuẩn
37.	Bình tỷ trọng nhựa đường	Trung Quốc	Không hiệu chuẩn
38.	Bộ đo E theo tiêu chuẩn mới	Trung Quốc	Không hiệu chuẩn
39.	Thước đo độ bằng phẳng – thước 3m	Trung Quốc	Không hiệu chuẩn
40.	Thùng dung trọng 1l, 2l, 3l, 5l, 10l, 15l, 20l (Hộc đóng)	Việt Nam	Không hiệu chuẩn
41.	Dụng cụ hấp phụ nước của cát	Việt Nam	Không hiệu chuẩn
42.	Ống đóng thủy tinh 50ml, 100ml, 250ml, 500ml, 1000ml	Việt Nam	Không hiệu chuẩn
43.	Bình tam giác 50ml, 100ml, 250ml, 500ml, 1000ml	Việt Nam	Không hiệu chuẩn
44.	Bộ sàng cốt liệu đá D300 cỡ 75/60/50/40/30/25/20/15/10/5/3mm	Việt Nam	Không hiệu chuẩn
45.	Bộ sàng cốt liệu đá D300 cỡ	Việt Nam	Không hiệu chuẩn

	5/2.5/1.25/0.63/0.315/0.14/ đáy nắp		
46.	Bộ sàng BTN D300 cỡ 37.5/25/19/16/12.5/9.5/4.75/2.36/1.18/ 0.6/0.3/0.15/0.075	Việt Nam	Không hiệu chuẩn
47.	Thước đo thoi dẹt L200	Việt Nam	Không hiệu chuẩn
48.	Nén dập xi lanh D75mm	Việt Nam	Không hiệu chuẩn
49.	Nén dập xi lanh D150mm	Việt Nam	Không hiệu chuẩn
50.	Bình tỷ trọng xi măng	Trung Quốc	Không hiệu chuẩn
51.	Bàn dẫn xi măng	Trung Quốc	Không hiệu chuẩn
52.	Khuôn đúc mẫu vữa 40x40x160mm	Việt Nam	Không hiệu chuẩn
53.	Khuôn đúc mẫu bê tông 150x150x150mm	Việt Nam	Không hiệu chuẩn

Bảng số 03

Stt	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ/Bồi dưỡng nghiệp vụ thí nghiệm	Chức vụ/Nhiệm vụ được giao
1.	Nguyễn Thị Dạ Thảo	16/11/1985	Kỹ sư Hóa Silicat Chứng nhận Tập huấn về “Quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng” Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ thí nghiệm viên ngành xây dựng	Trưởng phòng thí nghiệm
2.	Nguyễn Thị Thanh Xuân	25/02/1981	Kỹ sư cầu đường Chứng nhận Tập huấn về “Quản lý hoạt động phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng” Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ thí nghiệm viên ngành xây dựng	Nhân viên thí nghiệm

Công ty Cổ phần Xây dựng và Quảng cáo Bazan cam kết chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác của các thông tin gửi đăng tải; cam kết hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung đã công bố và tuân thủ các quy định của pháp luật./.

PHÓ GIÁM ĐỐC


Nguyễn Thị Dạ Thảo